

**TAND KHU VỰC 4
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01-7-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lâm.

Bà Nguyễn Tố Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn (vụ án tiếp nhận từ Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn C, phường T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Mè Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2025, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị Trần Thị L và anh Mè Văn T đăng ký kết hôn ngày 04/5/2012, tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã H), tỉnh Lạng Sơn, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng ban đầu diễn ra bình thường nhưng chỉ được một thời gian ngắn. Đến đầu năm 2014 thì cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Mè Văn T không tu chí làm ăn, thường

xuân uống rượu say, mỗi khi say rượu lại đánh chị Trần Thị L, từ đó cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, cãi chửi xúc phạm nhau, do không thể chịu đựng được đến khoảng cuối năm 2019, chị Trần Thị L và hai con đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại tỉnh Nghệ An sinh sống và từ đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có được hai bên gia đình động viên quay về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ khi ly thân hai vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, xác định tình cảm vợ chồng không còn chị Trần Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Mè Văn T.

Về con chung, vợ chồng có 02 người con chung, cháu Mè Văn S sinh ngày 03/9/2012; cháu Mè Thị Huyền T1 sinh ngày 07/5/2017 bị bệnh bại não, hiện nay các con chung ở với mẹ, từ khi ly thân đến nay nguyên đơn một mình tự nuôi con. Do vậy, sau ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi các con.

Về điều kiện nuôi con, nguyên đơn có thu nhập ổn định 8.000.000/tháng và có chỗ ở hợp pháp tại thôn C, phường T, tỉnh Nghệ An.

Về tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2025 anh Mè Văn T trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Trần Thị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, vợ chồng chỉ có mâu thuẫn về chuyện con ốm đi viện nên vợ chồng có cãi chửi nhau nhưng không xảy ra xô xát. Khoảng năm 2019-2020 khi bố vợ mất, anh Mè Văn T đi làm xa không về kịp, khoảng 03 tháng sau chị Trần Thị L cùng con trai chuyển về nhà mẹ đẻ tỉnh Nghệ An sinh sống cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó, do vợ chồng mỗi người một nơi nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Sau một thời gian do chị Trần Thị L thường xuyên đi làm xa không có thời gian chăm lo cho con nên hè năm 2021 anh Mè Văn T đón con trai về Lạng Sơn. Đến khoảng năm 2023, anh Mè Văn T đưa cả hai con vào nhà mẹ vợ để hỏi rõ về việc nuôi con thì chị Trần Thị L đồng ý nuôi cả hai con nên anh Mè Văn T để các con sinh sống cùng mẹ, thì thoả vào Nghệ An thăm các con. Nay chị Trần Thị L yêu cầu ly hôn do vẫn còn tình cảm vợ chồng nên anh Mè Văn T không đồng ý ly hôn.

Về con chung, vợ chồng có hai con chung là cháu Mè Văn S sinh ngày 03/9/2012 và cháu Mè Thị Huyền T1 sinh ngày 07/5/2017. Trường hợp nhất quyết phải ly hôn, anh Mè Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mè Văn S và chị Trần Thị L nuôi dưỡng cháu Mè Thị Huyền T1 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con, hiện nay anh Mè Văn T ở nhà làm ruộng vườn thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng, về chỗ ở hiện đang ở chung với bố mẹ tại thôn C, xã Y (nay là xã H), tỉnh Lạng Sơn.

Về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L về việc ly hôn với anh Mè Văn T. Về con chung, giao 02 con chung cháu Mè Văn S sinh ngày 03/9/2012 và cháu Mè Thị Huyền T1 sinh ngày 07/5/2017 cho chị Trần Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Mè Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không xem xét giải quyết. Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Mè Văn T, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/5/2012, tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã H) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Về yêu cầu ly hôn: Xét thấy, cuộc sống hôn nhân có nhiều bất đồng dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Từ cuối năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 06/5/2025 của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Mè Văn T có 02 người con, cháu Mè Văn S sinh ngày 03/9/2012; cháu Mè Thị Huyền T1 sinh ngày 07/5/2017. Xét thấy, từ khi ly thân các con chung ở cùng nguyên đơn, trong thời gian này bị đơn không hỗ trợ gì trong việc nuôi dạy con; quá trình giải quyết vụ án bị đơn không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ về điều kiện nuôi con; nguyên đơn đảm bảo điều kiện, khả năng về chỗ ở, thu nhập để nuôi con; nguyện vọng của con chung mong muốn được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn môi trường sống bình thường của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao 02 người con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét thấy, Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chung, nhưng nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và nguyên đơn có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Xét thấy, ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Mè Văn T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Mè Văn T có 02 người con chung, cháu Mè Văn S sinh ngày 03/9/2012; cháu Mè Thị Huyền T1 sinh ngày 07/5/2017. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 người con chung, cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Mè Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị L chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đề nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Trần Thị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005018 ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lạng

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Hữu Liên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn